

Số 04/KH-THPT LTV

Đăk Song, ngày 24 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH
Kiểm tra giữa học kỳ II - Năm học 2024 – 2025

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2021 về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 1754/SGDĐT-GDTrHQLCL ngày 13/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ Quản lý chất lượng năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ kế hoạch giáo dục năm học 2024 – 2025 và tình hình thực tế đơn vị.

Trường THPT Lương Thế Vinh xây dựng kế hoạch kiểm tra giữa học kỳ II, năm học 2024 – 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

- Tổ chức tốt việc kiểm tra nhằm góp phần đánh giá năng lực học sinh theo quá trình và theo kết quả. Giúp giáo viên và học sinh đánh giá lại kết quả giảng dạy và học tập, từ đó có những điều chỉnh kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

- Đề kiểm tra phải bảo đảm yêu cầu bảo mật; nội dung kiểm tra phải bảo đảm tính chính xác; tiếp cận với các dạng thức câu hỏi theo cấu trúc định dạng đề thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 của Bộ GD&ĐT; nội dung các câu hỏi phải theo tiến độ, sát với kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và sát ma trận, đặc tả của bộ môn.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tổ chức kiểm tra

II. Môn kiểm tra, thời gian, thời lượng kiểm tra

1. Đối với kiểm tra tập trung

- Môn kiểm tra tập trung: Gồm các môn học Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Lịch sử và các môn học tự chọn cho học sinh tất cả các lớp cụ thể như sau:

STT	Lớp	Môn tự chọn kiểm tra tập trung
1	10C1, 10C2	Sinh học, Địa lí, GDKTPL
2	10C3, 10C4	Hóa học, Địa lí, GDKTPL
3	10C5	Vật lý, Hoá học, Sinh học
4	11B1, 11B2	Vật lý, Hóa học, Sinh học
5	11B3	Địa lý, GDKT&PL, Hoá học
6	11B4	Địa lý, GDKT&PL, Vật lý
7	12A1, 12A2	Vật lý, Hóa học, Sinh học
8	12A3, 12A4	Địa lý, GDKT&PL, Sinh học

- Thời gian kiểm tra:

Căn cứ tiến độ thực hiện chương trình để tổ chức kiểm tra giữa học kỳ đối với từng môn học. Cụ thể như sau:

+ Đối với khối lớp 12:

Môn kiểm tra	Tuần kiểm tra	Lớp kiểm tra	Ghi chú
Toán	24	Toàn khối	
Hoá học	25	12A1, 12A2	
Lịch sử	26	Toàn khối	
Sinh học	27	Toàn khối	
Địa lí	27	12A3, 12A4	
GDKT&PL	27	12A3, 12A4	
Tiếng Anh	27	Toàn khối	
Vật lý	29	12A1, 12A2	
Ngữ văn	29	Toàn khối	

+ Đối với khối lớp 10 và khối lớp 11:

Môn kiểm tra	Tuần kiểm tra	Lớp kiểm tra	Ghi chú
Lịch sử	26	Toàn khối	
Toán	27	Toàn khối	
Ngữ văn	27	Toàn khối	
Tiếng Anh	27	Toàn khối	
Hoá học	27	11B1, 11B2, 11B3	
Địa lí	27	11B3, 11B4	
GDKT&PL	27	11B3, 11B4	
Vật lý	28	11B1, 11B2, 11B4	
Sinh học	28	11B1, 11B2	

* Ghi chú: Lịch kiểm tra cụ thể thực hiện theo chương trình công tác tuần.

- Thời lượng kiểm tra các môn như sau: Môn Toán và môn Ngữ Văn: 90 phút; các môn còn lại: 45 phút.

- Số lượng đề: Mỗi môn thực hiện ra 02 đề có mức độ tương đương. Mỗi đề đảo thành 04 mã đề (Quy định đặt mã đề: 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107 và 108).

2. Đối với kiểm tra tại lớp

- Môn kiểm tra: Các môn học còn lại giáo viên thực hiện kiểm tra tại lớp theo kế hoạch giáo dục môn học và hướng dẫn của tổ chuyên môn.

- Thời gian kiểm tra: từ ngày 17/03 đến ngày 22/03/2025 (tuần học 26).

- Thời lượng kiểm tra: 45 phút.

III. Nội dung, hình thức đề kiểm tra

1. Nội dung đề kiểm tra

- Nội dung đề kiểm tra chỉ giới hạn kiến thức đến hết tuần học 26.

- Mức độ nhận thức (tư duy) đề kiểm tra: Căn cứ vận dụng linh hoạt ma trận và bảng đặc tả của Bộ GD&ĐT quy định. Cụ thể: 50% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng.

2. Hình thức đề kiểm tra

- Đối với môn Ngữ văn: thực hiện ra 01 đề kiểm tra hình thức tự luận 100%.

- Các môn còn lại:

+ Đối với khối 10 và khối 11: Đề theo hình thức trắc nghiệm chiếm 80% tổng số điểm; phần tự luận chiếm 20% tổng số điểm không thực hiện ra trong đề kiểm tra tập trung, giáo viên thực hiện kiểm tra tại lớp và cộng với điểm bài kiểm tra tập trung để tính điểm kiểm tra giữa học kỳ II cho học sinh.

+ Đối với khối 12: Đề theo hình thức trắc nghiệm 100%.

- Đối với phần kiểm tra trắc nghiệm thực hiện ra các dạng thức câu hỏi theo Quy định về cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 (Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT, ngày 08/03/2024 của Bộ GD&ĐT), cụ thể:

+ Đối với khối 10 và khối 11:

* Môn Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Địa lí: Phần I: 4 điểm (16 câu, mỗi câu 0,25 điểm), phần II: 2 điểm (02 câu, mỗi câu 01 điểm), phần III: 2 điểm (04 câu, mỗi câu 0,5 điểm).

* Môn Lịch sử, GDKTPLL: Phần I: 6 điểm (24 câu, mỗi câu 0,25 điểm), phần II: 2 điểm (02 câu, mỗi câu 01 điểm).

* Đối với môn Tiếng Anh: Phần I: 8 điểm.

+ Đối với khối 12:

* Môn Toán: Phần I: 3 điểm (12 câu, mỗi câu 0,25 điểm), phần II: 4 điểm (04 câu, mỗi câu 01 điểm), phần III: 3 điểm (06 câu, mỗi câu 0,5 điểm).

* Môn Vật lý, Hoá học, Sinh học, Địa lí: Phần I: 4,5 điểm (18 câu), phần II: 4 điểm (4 câu, mỗi câu 01 điểm), phần III: 1,5 điểm (06 câu, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm).

* Môn Lịch sử, GDKTPLL: Phần I: 6 điểm (24 câu, mỗi câu 0,25 điểm), phần II: 4 điểm (04 câu, mỗi câu 01 điểm).

* Đối với môn Tiếng Anh: Phần I: 10 điểm.

IV. Thời hạn, hình thức nộp đề kiểm tra, xếp phòng, chấm bài kiểm tra

1. Thời hạn nộp đề kiểm tra

- Hạn nộp ma trận, đặc tả đề kiểm tra:

+ Đối với môn toán 12: chậm nhất trong ngày **01/03/2025**.

+ Đối với môn Hoá học 12: chậm nhất trong ngày **03/03/2025**.

+ Đối với môn Lịch sử 10, 11, 12 chậm nhất trong ngày **08/03/2025**.

+ Đối với các môn còn lại chậm nhất trong ngày **15/03/2025**.

- Hạn nộp đề kiểm tra:

+ Đối với môn toán 12: chậm nhất trong ngày **01/03/2025**.

+ Đối với môn Hoá học 12: chậm nhất trong ngày **08/03/2025**.

+ Đối với môn Lịch sử 10, 11, 12 chậm nhất trong ngày **15/03/2025**.

+ Đối với các môn còn lại chậm nhất trong ngày **22/03/2025**.

- Người nộp ma trận, đặc tả, đề kiểm tra: Tổ trưởng chuyên môn có trách nhiệm thu, kiểm duyệt đề của giáo viên các môn học sau đó nộp về chuyên môn nhà trường.

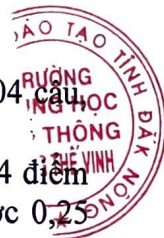
- Người thu ma trận, đặc tả, đề kiểm tra: Th. Nguyễn Văn Chiến - Phó Hiệu trưởng.

2. Hình thức nộp đề kiểm tra

- Nộp ma trận, đặc tả và đề kiểm tra gồm cả file và bản in chính thức sau khi được tổ chuyên môn kiểm duyệt.

- Phần đề trắc nghiệm: Nộp file và bản in gồm:

+ File mềm: đề gốc (chưa trộn), 08 mã đề đã trộn và file đáp án của 08 mã đề.



+ Bản in: 02 đề gốc có đáp án của từng câu, có chữ kí xác nhận của GV ra đề kiểm tra ở tất cả các trang đề.

- Phần đề tự luận: 01 file đề kiểm tra, hướng dẫn chấm và 01 bản in đề và hướng dẫn chấm có chữ kí xác nhận của GV ra đề.

3. Xếp phòng kiểm tra

Xếp danh sách thí sinh theo Alphabet của từng khối lớp, bố trí mỗi phòng kiểm tra không quá 24 học sinh.

4. Chấm bài, công bố điểm, phúc khảo bài kiểm tra

- Giáo viên nhận và chấm bài kiểm tra ngay sau khi có bài kiểm tra.

- Hạn hoàn thành chấm bài kiểm tra và nhập điểm tất cả các môn lên Vnedu: chậm nhất 04 ngày tính từ thời điểm tổ chức kiểm tra xong môn.

- Thời gian học sinh phúc khảo: trong vòng 02 ngày tính từ thời điểm công bố điểm.

* **Ghi chú:** Những trường hợp học sinh vắng kiểm tra theo lịch chung mà không có lý do chính đáng thì GV bộ môn ghi điểm 0; nếu có lý do chính đáng, giáo viên bộ môn chủ động sắp xếp cho học sinh kiểm tra bổ sung theo đúng quy định.

Trên đây là kế hoạch kiểm tra giữa học kỳ II năm học 2024 – 2025, yêu cầu các tổ chuyên môn, bộ phận liên quan, giáo viên và học sinh nghiêm túc triển khai, thực hiện.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo nhà trường (để chỉ đạo);
- Các tổ chuyên môn (để thực hiện);
- CBGVNV (để thực hiện);
- Lưu VP.



Nguyễn Văn Chiến